

Bản án số: 09/2023/DS-PT

Ngày 07-3-2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy GCNQSDĐ, yêu cầu hủy HĐ thế chấp QSDĐ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Vinh và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đình M - Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Đình M: Ông Phan Quang L và ông Hoàng Ngọc T3 – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Địa chỉ: Số 01 đường Chu Văn An, phường N, TP. G, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Ngô Văn H (có mặt), bà Nguyễn Thị N. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ1

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Văn G – Trưởng phòng TN&MT. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Văn L – Phó giám đốc. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

3. Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường G – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 114-116 Phan Bội Châu, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Phan Đình T3.

5. Bà Nguyễn Thị K2.

6. Anh Đinh Bạt C.

7. Chị Phan Thị T4.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đình T3, bà Nguyễn Thị K2, anh Đinh Bạt C, chị Phan Thị T4: ông Phan Đình M. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

8. Công ty Đầu giá hợp danh Trung Nam.

Đại diện theo pháp luật: ông Hà Quang H – C/v Giám đốc

Địa chỉ: Số 52 Văn Tiến Dũng, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu T5. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11 Tú Xương, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk

9. Ông Nguyễn Quang S, bà Phạm Thị T2. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

10. Ông Phạm Văn N1

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Đình M trình bày: Ngày 11/02/1999, ông Phạm Văn M nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn N1 diện tích đất 480m² (12m x 40m), có tứ cận: Phía Đông giáp Quốc lộ 14 (QL 14) rộng 12m; phía Tây giáp đất ông N1 rộng 12m; phía Nam giáp đất ông N1 dài 40m; phía Bắc giáp đất ông N1 dài 40m, tọa lạc tại tổ dân phố 3, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, hai bên có viết giấy chuyển nhượng, nguồn gốc đất do ông N1 nhận chuyển nhượng của ông K, đất không có giấy tờ gì. Ný sau khi nhận chuyển nhượng, do có nhu cầu làm nhà ở nên ông đã làm đơn xin chính quyền địa phương xác nhận và chuyển cấp có thẩm quyền xem xét nhưng do vị trí đất nằm trong khu quy hoạch trung tâm huyện mới Đắk Song nên không được chấp nhận.

Năm 2001 thành lập huyện Đắk Song, UBND huyện ra thông báo số 12/TB-UB/2001 nghiêm cấm tất cả các hộ gia đình không được coi nói xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc khác và cây trồng mới các loại cây trồng trên đất khi chưa có quyết định cấp đất của Chủ tịch UBND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nên ông chấp hành và không sử dụng diện tích đất này. Năm 2004, ông biết tin UBND huyện cho chuyển đổi đất ở, trong đó có đất của ông. Ngày 26/4/2004, ông làm đơn xin làm nhà ở được UBND xã Đắk Song (cũ) xác nhận và đề nghị UBND huyện giải quyết. Tháng 01/2005 phòng Tài nguyên môi trường huyện Đắk Song trả hồ sơ về xã yêu cầu ông làm lại hồ sơ theo mẫu 06Ađk. Ngày 02/2/2005, ông làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất như phòng TN&MT hướng dẫn và được UBND xã Đắk Song xác nhận vào

ngày 03/2/2005 gửi lên UBND huyện để giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Đến ngày 07/8/2006 UBND huyện Đắk Song ra công văn số 479/CV-UBND thông báo cho rằng việc chuyển nhượng đất trái pháp luật đất đai năm 1993, năm 2003 nên không giải quyết. Sau đó, UBND huyện Đắk Song đã cấp cho ông một lô đất ở vị trí khác theo chế độ thương binh.

Đến tháng 6/2015, ông phát hiện có người đổ đất, sang lấp mặt bằng trên đất nên ông nhờ chính quyền địa phương kiểm tra thì mới biết vị trí, diện tích đất của ông đã cấp GCNQSDĐ cho ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N. Sau nhiều lần hòa giải không thành nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà N phải trả lại diện tích đất 400m², có tứ cận: Phía Đông giáp QL 14 rộng 10m; phía Tây giáp đất không tranh chấp rộng 10m; phía Nam giáp đất ông H3 đang sử dụng dài 40m; phía Bắc giáp đất ông M đang sử dụng dài 40m; yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BX950827 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015 cho ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N. Quá trình giải quyết vụ án phát hiện ông H, bà N thế chấp thửa đất trên cho ngân hàng Eximbank – CN Buôn Mê Thuật nên ngày 23/7/2021 ông M có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy một phần hợp đồng thế chấp QSDĐ số 134/2017/EIBBMT-HĐTC ngày 20/02/2017.

Bị đơn ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N trình bày: Diện tích đất hiện nay ông M tranh chấp có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng của ông Dương Trí H1 và bà Nguyễn Thị Anh Đ năm 2013, có tứ cận: phía Đông giáp QL 14 dài 10m; phía Tây giáp rẫy bà Đ dài 10m, phía Nam giáp đất ông Hoạt dài 41m (tính từ mốc lộ giới), phía Bắc giáp đất bà Đ dài 41m (tính từ mốc lộ giới). Giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, nguồn gốc đất bà Đ nhận chuyển nhượng của anh T4. Sau đó ông H, bà N chuyển nhượng lại diện tích đất này cho vợ chồng ông X, bà T1. Đến tháng 10 năm 2014 ông X, bà T1 làm đơn kê khai xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND huyện Đắk Song cấp GCNQSDĐ vào ngày 12 tháng 01 năm 2015. Do ông X, bà T1 nợ tiền và đi vay ngân hàng không được nên vợ chồng ông X, bà T1 đã chuyển nhượng lại thửa đất cho ông H, bà N vào ngày 15/01/2015, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã sang tên cho vợ chồng ông H, bà N vào ngày 26/01/2015. Sau khi nhận chuyển nhượng ông H, bà N đã san lấp mặt bằng và làm nhà ở cho đến nay nên vợ chồng ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn M là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Khâm, anh Phan Đình T3, anh Đình Bạt C, chị Phan Thị T4 trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Phạm Văn N1 trình bày: Năm 1999, ông có lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phan Đình M diện tích đất có chiều Ngang QL14 là 12m, chiều dài chạy xuống rẫy là 40m sau khi trừ đi mốc lộ giới, tổng diện tích là 480m², tại vị trí cách thửa đất ông chuyển nhượng cho ông Lộc 50m về hướng Tây Nam, giá chuyển nhượng là 8.600.000đ, hiện trạng đất khi chuyển nhượng là đất trống, không có cây trồng và công trình xây dựng trên đất. Diện tích đất này có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Phan Thanh K năm 1992. Việc bà Đ nhận đất của bà Đ chuyển nhượng cho ông H là không đúng.

- UBND huyện Đắk Song, đại diện theo ủy quyền ông Đồng Văn Giáp trình bày: Về trình tự thủ tục cấp đất cho ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1 là đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể: Ngày 04/12/2014 UBND thị trấn Đức An có tờ

trình số 126/TTr-UBND về việc cấp GCNQSDĐ cho 07 hộ gia đình cá nhân trong đó có ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1. Ngày 30/12/2014, ông X, bà T1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định. Sau đó phòng TN&MT có tờ trình số 02/TT-TNMT ngày 06/01/2015 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Ngày 12/01/2015 ông X, bà T1 được UBND huyện Đắk Song cấp GCNQSDĐ số BX950807. Ngày 14/01/2015, ông X bà T1 chuyển nhượng lại cho ông H, bà N với tổng diện tích 510,6m² thuộc thửa 01, tờ bản đồ ĐL54 theo hợp đồng chuyển nhượng số 09, các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định. Ngày 26/01/2015, ông H, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở nhận chuyển quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trường G1 trình bày:* Tài sản QSDĐ tại thửa đất số 01, tờ bản đồ ĐL54, địa chỉ thửa đất: Tổ 3, TT Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông, diện tích 510,6m², GCNQSDĐ số BX950827 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015 là một trong các tài sản đảm bảo cho CTY TNHH MTV H N vay vốn tại Ngân hàng Eximbank – CN Buôn Mê Thuật. Tài sản trên đảm bảo cho dư nợ gốc 2.050.000.000đ trong tổng dư nợ vay 12.940.000.000đ. Ngân hàng Eximbank –CN BMT đã thực hiện hiện đầy đủ đúng quy định khi tiến hành thẩm định cho vay và thủ tục nhận thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình thực hiện không có bất kỳ văn bản nào ngăn chặn hay cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp và đăng ký thế chấp đối với tài sản trên theo đúng quy định theo HĐ thế chấp số 134/2017/EIBBMT-HĐTC ngày 20/02/2017. Ngân hàng Eximbank – CN BMT đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1, đại diện theo ủy quyền ông Tạ Văn L trình bày:* Ngày 21/02/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch đảm bảo của ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị N trong đó có thửa đất số 01, tờ bản đồ ĐL54 với diện tích 510,6m². Tại thời điểm đăng ký giao dịch đảm bảo Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song không nhận được bất cứ văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc ngăn chặn giao dịch cũng như việc thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến QSDĐ nêu trên. Vì vậy Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song đã cập nhật đăng ký giao dịch đảm bảo cho ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định tại thông tư số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 về việc hướng dẫn đăng ký thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất.

- *Công ty Đấu giá hợp danh Trung Nam, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Hữu T5 trình bày:* Ngày 07/03/2022 Ngân hàng TMCP Eximbank – CN Đắk Lắk ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Cty Đấu giá hợp danh Trung Nam để bán đấu giá đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ ĐL, diện tích 510,6m², GCNQSDĐ số BX950827 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015 cho ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N, thửa đất này ông H, bà N đã thế chấp cho ngân hàng Eximbank-CN Buôn Mê Thuật tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/2017/EIBBMT-HĐTC ngày 20/02/2017. Ngày 08/03/2022 Cty đấu giá Trung Nam ban hành thông báo về việc đấu giá tài sản của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N có giá khởi điểm 2.987.000.000đ. Qua nhiều lần giảm giá, đến ngày 06/5/2022 Cty đấu giá Trung Nam

đã tổ chức bán đấu giá thành công tài sản trên, người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Quang S, địa chỉ: Tổ 3, phường N, TP. G, tỉnh Đắk Nông; giá bán tài sản: 2.433.000.000đ. Việc bán đấu giá trên được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục và quy định của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Luật đấu giá tài sản năm 2017; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Đối với việc tranh chấp giữa các bên phía Cty đấu giá Trung Nam không có ý kiến và yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Quang S, bà Phạm Thị T2 trình bày: Ngày 06/5/2022, vợ chồng ông, bà mua trúng đấu giá thửa đất số 01, tờ bản đồ ĐL54, diện tích 510,6m², GCNQSDĐ số BX950827 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015. Trên đất có 01 căn nhà, đất tọa lạc tại Tổ 3, TT Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, với giá 2.433.000.000 đồng, do Cty đấu giá Hợp Danh Trung Nam tổ chức bán đấu giá. Vợ chồng ông, bà đã nộp đủ tiền 2.433.000.000 đồng, hai bên đã xác lập hợp đồng công chứng và đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Song để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời đã nộp đủ các nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và nhận nhà đất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do nhà, đất bán đấu giá nêu trên hiện Tòa án huyện Đắk Song đang thụ lý giải quyết tranh chấp theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nên hiện tại Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên môi trường huyện Đắk Song tạm thời dừng việc cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông, bà. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Những người làm chứng:

- Ông Phan Thanh K trình bày: Năm 1989, ông nhận chuyển nhượng diện tích đất của người đồng bào dọc theo QL14 từ khu vực bưu điện huyện Đắk Song đến Chi cục thuế huyện Đắk Song hiện nay, chiều dài từ đường QL14 cho đến suối, việc chuyển nhượng nói miệng không lập văn bản. Ngày 21 tháng 2 năm 1992, ông lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm Văn N1 khoảng 8 ha. Tại thời điểm chuyển nhượng đất không có giấy tờ gì, đất trống rừng chồi, đồi dốc.

- Ông Bùi Văn T6 trình bày: Ngày 16/01/1999, ông có chuyển nhượng cho bà Đ, ông H1 diện tích đất rẫy cà phê khoảng 4ha có nguồn gốc do bố anh (ông T7 đã chết) nhận chuyển nhượng của ông N1 với giá là 42.000.000đ, khi chuyển nhượng hai bên có lập hợp đồng, không có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện trạng đất phía giáp QL14 là rừng chồi thuộc Lâm trường quản lý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Anh Đ, ông Dương Trí H1 trình bày: Năm 1999, ông bà có nhận chuyển nhượng của anh Bùi Văn T6 (con ông T7) diện tích khoảng 4ha trong đó có cả phần đất giáp QL14 lúc này đang còn là rừng trồi, sau đó ông bà khai hoang thêm sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2013, ông bà chuyển nhượng cho ông H, bà N diện tích đất có chiều Ngng là 10m dọc theo QL 14 đã trừ mốc lộ giới 26m, chiều dài 41m, đất tọa lạc tại tổ 3 thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Việc ông M nhận đất của ông H, bà N là đất của mình là không có căn cứ.

- Ông Bùi Văn H4 trình bày: Năm 1995, ông và ông T7 cùng nhận chuyển nhượng chung thửa đất từ ông K3 cháu của ông Nguyễn Hữu C thửa đất rẫy đã trồng khoảng 1.000 cây cà phê. Sau khi canh tác một thời gian thì ông cần trả nợ luôn phần đất của mình cho ông T7, ông T7 để lại toàn bộ diện tích đất này cho con trai là anh T6. Việc ông T6 viết giấy chuyển nhượng đất cho bà Đ là đúng.

- Ông Phan Duy H5 trình bày: Năm 1997, ông nhận chuyển nhượng một thửa đất của ông Nguyễn Xuân L, ông được biết đất này do ông Phạm Văn N1 cho ông L còn phần diện tích đất hiện đang tranh chấp giữa ông M với ông H, bà N thì ông không biết nguồn gốc như thế nào.

- Ông Nguyễn Văn X trình bày: Khoảng năm 2013 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H, bà N thửa đất có chiều Ngang là 10m dọc theo QL14, chiều dài 40m, thửa đất tọa lạc tại tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông. Hai bên có lập giấy tờ viết tay với giá chuyển nhượng là 50.000.000đ, thực tế giá chuyển nhượng là 300.000.000đ. Khi chuyển nhượng thì không có tranh chấp gì. Sau khi ông được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này, do không vay được tiền để trả tiền chuyển nhượng đất cho ông H, bà N nên đã làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông H, bà N.

- Ông Đỗ Minh C2 trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông M với ông H, bà N thì ông được biết trước đây của ông Phan Thanh K mua của người đồng bào, đến năm 1992 thì ông K chuyển nhượng lại cho ông Phạm Văn N1. Đến năm 1999 thì ông N1 chuyển nhượng cho ông M một phần diện tích giáp QL14 để làm nhà ở. Căn cứ đơn xin làm nhà ở của ông M thì ông Vũ Trung K3 chủ tịch xã có cử ông xuống kiểm tra thực địa và vẽ sơ đồ đối với diện tích đất ông M mua của ông N1 xin làm nhà ở. Sau khi kiểm tra thực địa thì ông báo cáo cho UBND xã mảnh đất của ông M mua của ông N1 là đúng quy hoạch khu dân cư. Sau khi kiểm tra thực địa đúng diện tích đất hai bên chuyển nhượng thì ông có ký vào giấy mua bán của hai bên. Đến tháng 11/1999 thì có anh T5 phó phòng địa chính huyện xuống kiểm tra thực địa đất theo đơn xin làm nhà của ông M thì xã có cử ông đi cùng ông Toán để xuống kiểm tra đất ông M. Sau khi xác minh thì đất ông M nằm trong quy hoạch trung tâm huyện Đắk Song mới nên không được làm nhà. Khi xuống kiểm tra thực địa ông nhớ có đo đạc, xác định vị trí và có vẽ sơ đồ đất, về diện tích chiều ngang ông nhớ khoảng 12m, chiều dài khoảng 40m. Còn vị trí đất ông M khi đó xác định cách đất ông H6 (hiện nay là quán cà phê 3D) khoảng 50m hướng đi về Gia Nghĩa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, đã căn cứ khoản khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1, Điều 147, Điều 148 khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 5 Luật đất đai 1987; Điều 6 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100; Điều 105; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; mục 3 Điều 1 của Nghị định số 79/2001/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999.

Tuyên xử:

1.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình M về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N trả lại diện tích đất 400m², thuộc thửa 01, tờ bản đồ ĐL54 tọa lạc tại tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Đông giáp QL14 dài 10m; Phía Tây giáp đất không tranh chấp dài 10m; Phía Nam giáp đất cấp cho ông H4 dài 40m; Phía Bắc giáp thửa đất ông M đang sử dụng dài 40m.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình M về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BX950827 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015 đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ ĐL54, diện tích 510,6m² đứng tên ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình M về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/2017/EIBBMT-HĐTC ngày 20/02/2017, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ ĐL 54, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3, TT Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, diện tích 510,6m², giấy chứng nhận QSDĐ số BX950827, UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 8 năm 2022 nguyên đơn ông Phan Đình M kháng cáo bản án và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến cho rằng trường hợp Tòa án chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ, chia sẻ cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng là số tiền mà bị đơn đã bỏ ra nhận chuyển nhượng diện tích đất.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá hết chứng cứ về nguồn gốc đất. Ông M nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn N1 thửa đất này năm 11/02/1999, hai bên lập giấy tờ viết tay, thửa đất có diện tích 480m², việc chuyển nhượng có UBND xã Đắk Song, huyện Đắk Mil cũ xác nhận. Đến năm 2003, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi quyền sử dụng đất để giao cho UBND huyện Đắk Song quản lý theo quyết định số 197/QĐ-UB, ngày 15/01/2003. Ông M sử dụng đất đến năm 2001 sau có thông báo số 12/TB-UB ngày 29/10/2001 “về việc quản lý đất khu quy hoạch trung tâm huyện lỵ” nên ông M không thể đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 2004, biết chủ trương của UBND huyện cho chuyển đổi đất ở nên ngày 26/4/2004 ông M đăng ký sử dụng đất và xin làm nhà ở. Như vậy có thể thấy ông M đã sử dụng đất xuyên suốt từ lúc nhận chuyển nhượng đến thời điểm xảy ra tranh chấp 2015.

Về vị trí đất theo kết quả lồng ghép bản đồ cho thấy vị trí thửa đất của ông M tranh chấp trùng hoàn toàn trong diện tích đất ông H, bà N đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ về chiều Nng và chiều dọc.

Về phần đất ông N1 chuyển nhượng cho ông M là nhận chuyển nhượng của ông K, lời khai của ông N1, ông K và ông T5 người làm chứng là phù hợp nhau.

Về nguồn gốc đất của ông H, bà N do nhận chuyển nhượng đất của ông H1 và bà Đ vào ngày 15/5/2013. Về nguồn gốc đất của ông H1 và bà Đ là mua của anh T6 diện tích khoảng 4ha vào năm 1999, thực tế đã ghi nhận ông H1, bà Đ không có đất giáp QL 14 vậy thì ông H1, bà Đ lấy đất ở đâu mà chuyển nhượng cho ông H, bà N.

Về trình tự sang nhượng đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ: Giấy sang nhượng đất giữa ông H1, bà Đ với ông H, bà N; ông H, bà N với ông X, bà T1 không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không phù hợp về thời gian, còn nguồn gốc đất của ông M đều có các cơ quan có thẩm quyền xác nhận và rõ ràng.

Đối với khởi kiện bổ sung yêu cầu tòa án tuyên hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với hợp đồng số 134/2017/EIBBMT-HĐTC ngày 20/2/2017 đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 950827, thửa số 01, tờ bản đồ ĐL 54, địa chỉ TDP 3, TT Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Việc thế chấp đất đang tranh chấp của ông H, bà N là vi phạm khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ1 đã đăng ký giao dịch bảo đảm cho ông H, bà N là vi phạm điểm c, khoản 1 Điều 9 thông tư Số: 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT, ngày 23/6/2016. Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Đình M tuyên hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- *Bị đơn trình bày:* Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bởi, diện tích đất nguyên đơn đang tranh chấp do bị đơn nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông X năm 2015, khi nhận chuyển nhượng đất ông X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp. Sau khi nhận chuyển nhượng bị đơn đã làm nhà ở và thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn tại Ngân hàng thì nguyên đơn mới phát sinh tranh chấp. Vì làm ăn thua lỗ không có khả năng trả nợ nên phía Ngân hàng đã phát mãi bán đấu giá tài sản thế chấp và đã giao diện tích đất này cho người mua trúng đấu giá, bị đơn không còn quyền quản lý, sử dụng nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Do phía nguyên đơn cũng là người nhận chuyển nhượng của người khác nhưng đất không có giấy tờ gì, trường hợp Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm thì bị đơn tự nguyện chia sẽ, hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền là 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Đình M, giữ nguyên bản án dân sự : 43/2022/DS-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông N1 là người làm chứng là không chính xác. Lẽ ra phải xác định ông N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mới đúng. Do vụ án đã nhiều lần xét xử, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã đưa ông N1 vào tham gia tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm ông N1 đã trình bày quan điểm của mình nên cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất các bên đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Phan Thanh K, đất ông K do nhận chuyển nhượng của đồng bào, không có giấy tờ gì. Theo đó, năm 1992 ông K chuyển nhượng cho ông N1 diện tích khoảng 8ha, có vị trí tứ cận: Cạnh giáp Quốc lộ 14 dài khoảng 300m; một cạnh giáp đất rừng và hai cạnh còn lại giáp đất ông K. Đến năm 1994, ông N1 chuyển nhượng cho ông Cót $\frac{1}{2}$ diện tích đất, ông Cót chuyển nhượng cho ông Khoa, ông Khoa chuyển nhượng cho ông T7 và năm 1999 con ông T7 là anh T6 chuyển nhượng lại cho bà Đ vào ngày 15/01/1999, nội dung giấy sang nhượng có xác định cạnh phía Tây giáp QL 14. Ngoài ra, năm 1999 ông N1 có chuyển nhượng cho ông Phan Đình M diện tích đất 480m² (chiều Ngang giáp QL 14 là 12m, chiều dài 40m tính từ mốc lộ giới 26m). Việc chuyển nhượng các bên có lập hợp đồng, không có chứng thực của chính quyền địa phương. Quá trình sử dụng bà Đ đã chuyển nhượng cho nhiều người trong đó có ông H diện tích 10m x 50m vào khoảng năm 2012-2013.

Như vậy, với những tài liệu chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định về nguồn gốc đất nguyên đơn và bị đơn đều nhận chuyển nhượng. Nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông N1 từ năm 1999, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bị đơn nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1 vào năm 2015, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai bên đã làm thủ tục sang tên theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về xác định vị trí đất tranh chấp. Theo hợp đồng chuyển nhượng giữa nguyên đơn với ông N1 năm 1999 thể hiện vị trí đất chuyển nhượng cách đất ông L 50m, kết quả xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thửa đất ông H và bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng cách thửa đất ông Lộc (nay là ông H3) về hướng Tây Nam là 50m. Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng vị trí theo nội dung giấy chuyển nhượng giữa nguyên đơn với ông N1 năm 1999 nêu trên.

[2.3] Kết quả xác minh cho thấy vị trí diện tích đất các đương sự đang tranh chấp nằm trong diện tích đất của Lâm Trường Thuận An được Nhà nước giao quản lý, sử dụng từ trước năm 2003. Đến năm 2003, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi quyền sử dụng đất của Lâm trường Thuận An giao cho UBND huyện Đắk Song quản lý theo quyết định số 197/QĐ-UB ngày 15/01/2003. Như vậy, trước năm 2003, toàn bộ diện tích đất các bên đang có tranh chấp là đất của Nhà nước đã giao cho Lâm trường Thuận An quản lý, sử dụng nên việc chuyển nhượng, lấn chiếm đất của các đương sự tại vị trí đất tranh chấp trước năm 2003 đều là bất hợp pháp, trái với quy định pháp luật đất đai năm 1987, 1993 và năm 2003. Việc nguyên đơn căn cứ vào giấy sang nhượng đất giữa nguyên đơn với ông N1 năm 1999 và đơn xin làm nhà ở năm 1999 có xác nhận của chính quyền địa phương để cho rằng diện tích đất trên là thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi, giấy tờ của nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện nêu trên không thuộc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là điều 100 Luật Đất đai 2013).

[2.4] Về quá trình sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng năm 2001 chấp hành Công văn số 12/TB-UB/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song. Đến năm 2004, nguyên đơn biết tin UBND huyện Đắk Song cho chuyển đổi đất ở nên ngày 26/4/2004, nguyên đơn làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất được UBND xã Đắk Song xác nhận gửi lên UBND huyện để giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Đến ngày 07/8/2006 UBND huyện Đắk Song ra công văn số 479/CV-UBND thông báo cho rằng nguyên đơn sang nhượng đất trái pháp luật đất đai năm 1993, năm 2003 nên huyện không giải quyết. Tuy nhiên, xuất phát từ việc nguyên đơn nhận chuyển nhượng đất không đúng quy định pháp luật như nội dung công văn số 479/CV-UBND nêu trên và vì nguyên đơn là thương binh hạng đặc biệt đang bức thiết về nhà ở nên lãnh đạo UBND huyện Đắk Song đã quyết định cấp cho nguyên đơn 01 thửa đất mới, khác vị trí đất đang tranh chấp. Như vậy, có cơ sở xác định từ năm 1999 đến nay nguyên đơn không sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng của ông N1. Đến năm 2015 phát hiện bị đơn đổ đất làm nhà ở thì và đã nhờ cán bộ địa chính kiểm tra vị trí đất nhận chuyển nhượng của ông N1 mới phát sinh tranh chấp cho đến nay.

[2.5] Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1 thấy rằng: Năm 2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thu hồi diện tích đất của Lâm trường Thuận An giao về cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song quản lý, trong đó có diện tích đất các bên đang tranh chấp. Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song cấp cho ông M diện tích 6m x 20m tại vị trí, cách vị trí đất tranh chấp là 26m. Năm 2012, Ủy ban nhân dân thị trấn Đức An hòa giải tranh chấp đất đai của các hộ dân, trong đó có ông N1, bà Đ và các hộ dân khác đều thống nhất theo nội dung biên bản hòa giải.

Trên cơ sở biên bản hòa giải ngày 16/10/2012, UBND thị trấn Đức An có tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 04/12/2014 đề nghị cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1. Ngày 12/01/2015 ông X, bà T1 được UBND huyện Đắk Song cấp GCNQSDĐ số BX950807 diện tích 510,6m² thuộc thửa 01, tờ bản đồ ĐL54. Ngày 14/01/2015, ông X, bà T1 chuyển nhượng lại cho ông H, bà N theo hợp đồng chuyển nhượng số 09, các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định.

[2.6] Theo ý kiến của UBND huyện Đắk Song về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1 và việc chuyển quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2.7] Như vậy, từ những vấn đề nhận định, phân tích nêu trên xét thấy trước và sau thời điểm 2003 vị trí đất hiện đang tranh chấp nguyên đơn không quản lý, sử dụng. Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy CNQSD đất ban đầu cho ông X, bà T1 là phù hợp theo quy tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 20 Nghị định 43 năm 2014. Năm 2015, ông H, bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 510,6m² thuộc thửa 01, tờ bản đồ ĐL54 là kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính về nhận chuyển quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn X, bà Hoàng Thị T1 theo quy định của pháp luật đất đai. Vì vậy việc cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.8] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có ý kiến cho rằng, nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền là 300.000.000 đồng, theo số tiền bị đơn đã bỏ ra để mua đất. Còn bị đơn có ý kiến cho rằng, nếu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng, mặc dù các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên các bên đều nhận thức được rằng do các bên là những người nhận chuyển nhượng lại đất của người

khác nên đã tự nguyện hỗ trợ, chia sẻ rủi ro cho nhau với số tiền nêu trên. Do trong trường hợp này, Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp.

[3]. Xét quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận nên bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông M được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Đình M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Áp dụng khoản 1, Điều 147, Điều 148 khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Luật đất đai 1987; Điều 6 Luật đất đai năm 1993; Điều 105; khoản 5 Điều 166; Điều 169; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, Điều 164 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình M về việc: Buộc ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N trả lại diện tích đất 400m², thuộc thửa 01, tờ bản đồ ĐL54 tọa lạc tại tổ 3, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Đông giáp QL14 dài 10m, Phía Tây giáp đất không tranh chấp dài 10m, Phía Nam giáp đất cấp cho ông H3 dài 40m, Phía Bắc giáp thửa đất ông M đang sử dụng dài 40m; yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BX950827 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015 đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ ĐL54, diện tích 510,6m² đứng tên ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N; yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/2017/EIBBMT-HĐTC ngày 20/02/2017, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ ĐL 54, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3, TT Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, diện tích 510,6m², giấy chứng nhận QSDĐ số BX950827, UBND huyện Đắk Song cấp ngày 26/01/2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N hỗ trợ cho ông Phan Đình M số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm giao số tiền tự nguyện hỗ trợ 200.000.000 đồng cho ông Phan Đình M. Trường hợp chậm thực hiện thì ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Đình M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000đ, được trừ vào số tiền ông M đã nộp tạm ứng tại tòa án ngày 11/4/2016.

4. Về án phí: Ông Phan Đình M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông Phan Đình M 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000663 ngày 14/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Anh Ứng

